

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC
Lớp 10 - Năm học: 2022-2023

Số phiếu
(HĐTS ghi):

- Họ tên học sinh:.....Giới tính:..... Dân tộc:.....
- Ngày sinh:..... Nơi sinh (Tỉnh/TP):.....
- Số CCCD (Mã định danh):Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Hộ khẩu thường trú(Số nhà, đường, ấp/KP, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/TP): Ghi đúng theo hộ khẩu
.....
- Chỗ ở hiện tại:.....
- Họ tên cha:..... Năm sinh..... Nghề nghiệp.....SĐT.....
- Họ tên mẹ:..... Năm sinh..... Nghề nghiệp.....SĐT.....
- Họ tên người nuôi dưỡng(nếu có):..... Năm sinh.....
Nghề nghiệp.....SĐT.....
- Học sinh Trường THCS..... Quận/huyện.....
- Số thứ tự trong danh sách trúng tuyển:.....
- Đạt học sinh giỏi cấp Thành phố môn:..... Giải:.....
- Kết quả học tập lớp 9:

XẾP LOẠI		ĐIỂM TRUNG BÌNH CẢ NĂM LỚP 9											Điểm trúng tuyển lớp 10
Hạnh kiểm	Học lực	TOÁN	VĂN	ANH	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GD&CD	TIN HỌC	CN	

13. Tốt nghiệp THCS loại:

14. Đăng ký các môn lựa chọn:

➤ **Nguyên vọng 1: (Học sinh đánh dấu “X” vào ô lựa chọn; chỉ chọn 1 lớp duy nhất/ nguyên vọng 1)**

Lớp TN 1: Lý, Hóa, Địa lý, Tin học: ☐

Lớp TN 2: Lý, Hóa, GDKT-PL, Tin học: ☐

Lớp TN 3: Hóa, Sinh, Địa lý, Tin học: ☐

Lớp TN 4: Hóa, Sinh, GDKT-PL, Tin học: ☐

Lớp XH 1: Địa lý, GDKT-PL, Lý, Tin học: ☐

Lớp XH 2: Địa lý, GDKT-PL, Lý, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐

Lớp XH 3: Địa lý, GDKT-PL, Hóa, Tin học: ☐

Lớp XH 4: Địa lý, GDKT-PL, Hóa, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐

Lớp XH 5: Địa lý, GDKT-PL, Sinh, Tin học: ☐

Lớp XH 6: Địa lý, GDKT-PL, Sinh, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐

➤ **Nguyên vọng 2: (Học sinh đánh dấu “X” vào ô lựa chọn; chỉ chọn 1 lớp duy nhất/ nguyên vọng 2)**

Lớp TN 1: Lý, Hóa, Địa lý, Tin học: ☐

Lớp TN 2: Lý, Hóa, GDKT-PL, Tin học: ☐

Lớp TN 3: Hóa, Sinh, Địa lý, Tin học: ☐

Lớp TN 4: Hóa, Sinh, GDKT-PL, Tin học: ☐

- Lớp XH 1:** Địa lý, GDKT-PL, Lý, Tin học: ☐
- Lớp XH 2:** Địa lý, GDKT-PL, Lý, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐
- Lớp XH 3:** Địa lý, GDKT-PL, Hóa, Tin học: ☐
- Lớp XH 4:** Địa lý, GDKT-PL, Hóa, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐
- Lớp XH 5:** Địa lý, GDKT-PL, Sinh, Tin học: ☐
- Lớp XH 6:** Địa lý, GDKT-PL, Sinh, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐

➤ **Nguyên vọng 3: (Học sinh đánh dấu “X” vào ô lựa chọn; chỉ chọn 1 lớp duy nhất/ nguyên vọng 3)**

- Lớp TN 1:** Lý, Hóa, Địa lý, Tin học: ☐
- Lớp TN 2:** Lý, Hóa, GDKT-PL, Tin học: ☐
- Lớp TN 3:** Hóa, Sinh, Địa lý, Tin học: ☐
- Lớp TN 4:** Hóa, Sinh, GDKT-PL, Tin học: ☐
- Lớp XH 1:** Địa lý, GDKT-PL, Lý, Tin học: ☐
- Lớp XH 2:** Địa lý, GDKT-PL, Lý, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐
- Lớp XH 3:** Địa lý, GDKT-PL, Hóa, Tin học: ☐
- Lớp XH 4:** Địa lý, GDKT-PL, Hóa, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐
- Lớp XH 5:** Địa lý, GDKT-PL, Sinh, Tin học: ☐
- Lớp XH 6:** Địa lý, GDKT-PL, Sinh, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) ☐

Duyệt của Hội đồng tuyển sinh

Ngày tháng năm 2022

Cha mẹ học sinh

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Điều kiện biên chế lớp:

(1) Căn cứ vào điểm thi tuyển sinh 10 và bình quân điểm TBCN của các môn lựa chọn của năm học lớp 9 (Các lớp **TN 1,2:** LÝ, HÓA; **TN 3,4:** HÓA, SINH; Các lớp **XH 1,2,3,4,5,6:** ĐỊA, GD KT-PL) để xét xếp lớp theo thứ tự ưu tiên từ nguyên vọng từ 1 đến nguyên vọng 3.

(2) Mỗi lớp học có sĩ số học sinh đăng ký phải đảm bảo từ 40 đến 45 học sinh. Trường hợp lớp có số lượng học sinh đăng ký nguyên vọng không đủ theo số lượng biên chế lớp thì nhà trường sẽ chuyển sang lớp có nguyên vọng gần với nguyên vọng ban đầu.

(3) Mỗi học sinh bắt buộc chọn đủ 3 nguyên vọng, trong đó 3 nguyên vọng không được trùng nhau.

(4) Các lớp **XH 1,2,3,4,5,6:** Môn học lựa chọn Công nghệ (Thiết kế và công nghệ) và Tin học sẽ do nhà trường căn cứ vào tình hình giáo viên thực tế hiện có của trường để sắp xếp phù hợp đối với các lớp.

(5) CMHS cần tư vấn liên hệ các số điện thoại:

- Du Hoàng Hậu (P. HT): 0933830359
- Bùi Xuân Hải (P. HT): 0963783232
- Trương Thị Ngọc Hường (HV): 0978381090